

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



**Building a better
working world**

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh ("GCNĐKHĐCN") số 4100562786-001 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020, và GCNĐKHĐCN thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 6 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 61359032/22988983-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 3 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Đặng Nguyễn Hương
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5041-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.073.888.571.905	691.054.794.100
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	131.476.931.919	52.398.107.558
111	1. Tiền		19.476.931.919	12.398.107.558
112	2. Các khoản tương đương tiền		112.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		36.500.000.000	39.273.701.370
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12	36.500.000.000	39.273.701.370
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		805.529.924.078	497.456.242.777
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	795.915.181.525	483.529.845.013
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.469.582.057	17.380.314.661
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.253.404.762	4.731.855.020
137	4. Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi	6	(9.108.244.266)	(8.185.771.917)
140	IV. Hàng tồn kho	8	100.371.284.990	101.916.517.104
141	1. Hàng tồn kho		100.371.284.990	101.916.517.104
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.430.918	10.225.291
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	10.430.918	10.225.291
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.636.427.908.084	9.325.556.722.952
220	I. Tài sản cố định		8.565.416.947.570	9.135.766.296.110
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.565.416.947.570	9.135.766.296.110
222	Nguyên giá		12.236.895.716.741	12.215.507.307.794
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.671.478.769.171)	(3.079.741.011.684)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		55.787.129.543	175.777.359.685
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	55.787.129.543	175.777.359.685
260	III. Tài sản dài hạn khác		15.223.830.971	14.013.067.157
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		4.572.597.398	3.293.127.270
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	26.3	1.141.637.010	1.141.637.010
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	9.509.596.563	9.578.302.877
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.710.316.479.989	10.016.611.517.052

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.683.946.064.429	6.006.160.526.203
310	I. Nợ ngắn hạn		567.662.419.508	877.408.931.040
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	167.199.747.742	313.473.822.403
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	2.121.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	163.806.105.163	150.061.095.622
314	4. Phải trả người lao động		33.772.798.379	15.525.784.988
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	61.707.052.430	248.078.644.402
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		4.347.265.981	3.862.819.866
320	7. Vay ngắn hạn	17	135.229.134.182	142.358.739.858
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	1.600.315.631	1.927.023.901
330	II. Nợ dài hạn		4.116.283.644.921	5.128.751.595.163
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	201.734.197.176	201.734.197.176
338	2. Vay dài hạn	17	3.914.549.447.745	4.927.017.397.987
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.026.370.415.560	4.010.450.990.849
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	5.026.370.415.560	4.010.450.990.849
411	1. Vốn cổ phần		2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.271.968.038	6.271.968.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		356.373.490.000	356.373.490.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.273.651.217.522	1.257.731.792.811
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.008.806.316.811	870.458.991.598
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		1.264.844.900.711	387.272.801.213
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.710.316.479.989	10.016.611.517.052

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc



Ngày 3 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.084.636.671.457	1.611.300.817.624
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(1.062.259.326.573)	(796.395.344.004)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.022.377.344.884	814.905.473.620
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	6.538.128.898	10.621.853.962
22	5. Chi phí tài chính	22	(432.476.179.912)	(324.400.341.084)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(408.091.821.298)	(323.439.602.872)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(77.277.826.927)	(45.357.873.674)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.519.161.466.943	455.769.112.824
31	9. Thu nhập khác	25	3.433.773.463	91.484.459
32	10. Chi phí khác	25	(142.761.264.026)	(4.827.048.801)
40	11. Lỗ khác	25	(139.327.490.563)	(4.735.564.342)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.379.833.976.380	451.033.548.482
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(114.989.075.669)	(63.760.747.269)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	-	-
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		1.264.844.900.711	387.272.801.213
61	16. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		1.264.844.900.711	387.272.801.213
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	19.4	5.354	1.609
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	19.4	5.354	1.609

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc



Ngày 3 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.379.833.976.380	451.033.548.482
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	591.737.757.487	470.061.251.598
03	Các khoản dự phòng		922.472.349	8.185.771.917
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		20.765.870.051	(7.234.939.526)
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		106.022.277.314	(3.299.464.599)
06	Chi phí lãi vay	22	408.091.821.298	323.439.602.872
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.507.374.174.879	1.242.185.770.744
09	Tăng các khoản phải thu		(309.066.338.263)	(390.610.860.909)
10	Giảm hàng tồn kho		1.613.938.428	185.020.973
11	Tăng các khoản phải trả		13.372.105.145	48.504.880.754
12	Tăng chi phí trả trước		(1.279.470.128)	(1.876.799.258)
14	Tiền lãi vay đã trả		(595.563.730.113)	(79.533.694.665)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(97.760.747.269)	(53.580.689.676)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(12.144.366.172)	(11.289.091.633)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.506.545.566.507	753.984.536.330
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(158.817.314.115)	(328.164.918.535)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(104.500.000.000)	-
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn		107.273.701.370	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		5.974.954.516	3.457.929.449
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(150.068.658.229)	(324.706.989.086)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Phát hành cổ phiếu	19.1	-	299.939.500.000
33	Tiền nhận từ đi vay	17	10.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(1.051.156.837.917)	(691.931.556.803)
36	Cổ tức đã trả	19.1	(236.241.246.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.277.398.083.917)	(391.992.056.803)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		79.078.824.361	37.285.490.441
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		52.398.107.558	15.112.617.117
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	131.476.931.919	52.398.107.558

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh và một công ty con như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 26 tháng 2 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21, Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh ("GCNĐKHĐCN") số 4100562786-001 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020, và GCNĐKHĐCN thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 6 năm 2021.

Hiện tại, Công ty đang vận hành 3 nhà máy thủy điện như sau:

- Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn có công suất 66 MW đặt tại Xã Vĩnh Kim, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định.
- Nhà máy thủy điện Sông Hinh có công suất 70 MW đặt tại Xã Sơn Thành Tây, Huyện Tây Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum có công suất 220 MW đặt tại Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum (Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh).

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH ("TVDV VSH")

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong TVDV VSH, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của TVDV VSH là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 227 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 229).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("công ty mẹ") và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền và, vật liệu xây dựng

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 *Các chi phí trả trước*

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

► Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

► Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Nghị quyết Số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội Cổ đông Số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán Điện, thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	628.941.810	407.728.444
Tiền gửi ngân hàng	18.847.990.109	11.990.379.114
Các khoản tương đương tiền (*)	112.000.000.000	40.000.000.000
TỔNG CỘNG	131.476.931.919	52.398.107.558

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất 6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	795.297.246.806	482.861.910.294
Phải thu từ khách hàng khác	617.934.719	667.934.719
TỔNG CỘNG	795.915.181.525	483.529.845.013

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm	4.725.312.781	4.725.312.781
Cục giám định nhà nước về chất lượng công	2.288.048.379	2.288.048.379
trình xây dựng	1.422.920.070	1.422.920.070
Công ty Cổ phần Lilama 45.4		
Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng	893.983.053	893.983.053
Tỉnh Kon Tum	5.139.317.774	8.050.050.378
Các nhà cung cấp khác		
TỔNG CỘNG	14.469.582.057	17.380.314.661
Dự phòng các khoản trả trước cho người		
bán ngắn hạn khó đòi	(9.108.244.266)	(8.185.771.917)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.361.337.791	9.194.542.744

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu người lao động	2.917.254.368	2.359.480.170
Lãi tiền gửi	1.209.336.986	1.279.315.972
Tạm ứng cho nhân viên	124.364.523	189.000.000
Khác	2.448.885	904.058.878
TỔNG CỘNG	4.253.404.762	4.731.855.020

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	100.371.284.990	101.916.517.104
TỔNG CỘNG	100.371.284.990	101.916.517.104

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	9.389.599.848.248	2.776.456.713.686	38.397.271.768	11.053.474.092	12.215.507.307.794
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (Thuyết minh số 10)	-	8.562.104.249	5.516.349.259	-	14.078.453.508
Mua trong năm	94.119.018	3.705.599.091	3.349.402.330	160.835.000	7.309.955.439
Số cuối năm	9.389.693.967.266	2.788.724.417.026	47.263.023.357	11.214.309.092	12.236.895.716.741
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	449.721.225.087	880.835.088.143	29.167.579.406	4.171.672.378	1.363.895.565.014
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	2.037.360.723.602	1.004.190.864.562	33.181.266.641	5.008.156.879	3.079.741.011.684
Khấu hao trong năm	485.178.009.858	104.414.881.294	1.725.903.254	418.963.081	591.737.757.487
Số cuối năm	2.522.538.733.460	1.108.605.745.856	34.907.169.895	5.427.119.960	3.671.478.769.171
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.352.239.124.646	1.772.265.849.124	5.216.005.127	6.045.317.213	9.135.766.296.110
Số cuối năm	6.867.155.233.806	1.680.118.671.170	12.355.853.462	5.787.189.132	8.565.416.947.570

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 113.342.389.920 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh số 17).

Nhóm Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản tại Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành, với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 87.683.693.127 VND (Thuyết minh số 17).

Nhóm Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản tại Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.200.301.174.844 VND (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	47.608.128.514	74.131.385.802
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 (ii)	-	98.308.623.045
Khác (ii)	8.179.001.029	3.337.350.838
TỔNG CỘNG	55.787.129.543	175.777.359.685

- (i) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đang trong quá trình thực hiện quyết toán.
- (ii) Vào ngày 8 tháng 12 năm 2022, Công ty đã đánh giá một số dự án của Nhóm Công ty không có khả năng tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc đã kết chuyển toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 và một phần giá trị còn lại chưa quyết toán của dự án khác (công trình Hồ C) với tổng giá trị là 99.473.267.506 VND theo Quyết định phê duyệt số 1580/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng quản trị (*Thuyết minh số 25*).

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	175.777.359.685	8.791.383.786.212
Tăng trong năm	19.887.098.243	363.759.757.331
Vốn hóa chi phí lãi vay	-	113.277.152.182
Giảm tài sản xây dựng cơ bản dở dang (<i>Thuyết minh số 25</i>)	(99.473.267.506)	-
Điều chỉnh giảm do quyết toán một số hạng mục dở dang	(26.325.607.371)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh số 9</i>)	(14.078.453.508)	(9.092.643.336.040)
Số cuối năm	55.787.129.543	175.777.359.685

11. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ là trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

12. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,8%/năm.

Nhóm Công ty đã thế chấp một phần của khoản tiền gửi ngân hàng để ngân hàng cấp bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 17*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR 18G	84.420.271.971	84.420.271.971
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Đà 10	20.000.000.000	119.671.862.167
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	-	24.130.089.866
Các nhà cung cấp khác	62.779.475.771	85.251.598.399
TỔNG CỘNG	167.199.747.742	313.473.822.403

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.760.747.269	114.989.075.669	(97.760.747.269)	74.989.075.669
Thuế giá trị gia tăng	39.817.973.788	287.969.099.941	(296.065.586.216)	31.721.487.513
Thuế tài nguyên	25.139.347.150	241.158.430.117	(241.166.285.376)	25.131.491.891
Phí dịch vụ môi trường rừng	25.084.470.816	93.129.341.616	(89.383.801.392)	28.830.011.040
Thuế nhà thầu	-	102.848.877	(102.848.877)	-
Thuế khác	2.248.331.308	24.586.067.182	(23.710.790.358)	3.123.608.132
TỔNG CỘNG	150.050.870.331	761.934.863.402	(748.190.059.488)	163.795.674.245
Trong đó				
Phải thu	(10.225.291)			(10.430.918)
Phải trả	150.061.095.622			163.806.105.163

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	61.707.052.430	248.024.153.602
Khác	-	54.490.800
TỔNG CỘNG	61.707.052.430	248.078.644.402

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền phải trả cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong – CR18G (“Tổ hợp nhà thầu”) liên quan đến việc Nhóm Công ty đã thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tổ hợp nhà thầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

VND

	Số đầu năm	Tăng	Trả tiền vay	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số cuối năm
Ngắn hạn	142.358.739.858	10.000.000.000	(154.759.837.917)	134.846.659.517	2.783.572.724	-	135.229.134.182
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.1)	81.358.739.858	-	(83.759.837.917)	106.846.659.517	2.783.572.724	-	107.229.134.182
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	28.000.000.000	-	(28.000.000.000)	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Vay bên liên quan	33.000.000.000	-	(33.000.000.000)	-	-	-	-
Vay ngân hàng	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-	-	-	-
Dài hạn	4.927.017.397.987	-	(896.397.000.000)	(134.846.659.517)	17.982.297.327	793.411.948	3.914.549.447.745
Trái phiếu (Thuyết minh số 17.2)	620.212.245.626	-	(405.000.000.000)	(28.000.000.000)	-	793.411.948	188.005.657.574
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	4.306.805.152.361	-	(491.397.000.000)	(106.846.659.517)	17.982.297.327	-	3.726.543.790.171
TỔNG CỘNG	5.069.376.137.845	10.000.000.000	(1.051.156.837.917)	-	20.765.870.051	793.411.948	4.049.778.581.927

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay tín chấp từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Hợp đồng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Bình Định (i)	682.579.914.217	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2025 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	10,4 – 10,9
	494.882.000.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	10,4 – 10,9
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Kon Tum (i)	639.010.146.384	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	10,4 – 10,9
	228.228.998.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2028 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	10,4 – 10,9
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai (i)	363.753.562.524	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	10,9
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Hiệp Phú (i)	436.988.149.186	Số 04/2015/HĐTD với hạn mức 950 tỷ đồng	Từ ngày 22 tháng 9 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	9,9 – 12,05
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") - Chi nhánh Bình Định (i)	404.083.500.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 950 tỷ đồng	Từ ngày 22 tháng 3 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	9,9 – 12,05

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich (ii)	487.310.705.533	20.531.313	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029	LIBOR thời hạn 6 tháng+2,97%	Bảo lãnh từ BIDV - Chi nhánh Bình Định từ khoản thế chấp tiền gửi tiết kiệm 35 tỷ VND (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ (iii)	96.935.948.509	4.105.368	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2023 đến ngày 1 tháng 6 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, trị giá 113.342.389.920 VND (Thuyết minh số 9)
TỔNG CỘNG	3.833.772.924.353	24.636.681			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 107.229.134.182

Vay dài hạn 3.726.543.790.171

- (i) Những khoản vay này nhằm mục đích đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA giữa Nhóm Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV - Chi nhánh Bình Định, Vietcombank - Chi nhánh Kon Tum, Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai, ACB - Chi nhánh Bình Định và HDBank - Chi nhánh Hiệp Phú (nay là HDBank - Chi nhánh Tp. Thủ Đức), trong đó, BIDV - Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản từ Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Ngoài ra, BIDV - Chi nhánh Bình Định còn ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2014/HĐBL/BIDV-VSH để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich - Áo với tổng số tiền bảo lãnh tối đa không vượt quá 30.634.865,8 USD.
- (ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Nhóm Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich tại Áo. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với nhà cung cấp Andritz Hydro GmbH.
- (iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF"). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Nhóm Công ty đã nhận bàn giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tín dụng số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày như sau:

	Giá trị VND
VSH_BOND_2019 (Thuyết minh số 27)	219.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(5.553.883.638)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.559.541.212
TỔNG CỘNG	216.005.657.574
<i>Trong đó:</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>28.000.000.000</i>
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>188.005.657.574</i>

Nhóm Công ty đã phát hành các trái phiếu không chuyển đổi nêu trên với mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn (Thuyết minh số 9).

Nhóm Công ty cam kết mua lại số lượng trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo kế hoạch như sau:

- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- 4% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành;
- 24% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành;
- 30% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn bảy mươi hai (72) tháng kể từ ngày phát hành; và
- 30% số lượng trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn tám mươi bốn (84) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để đầu tư Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

Các trái phiếu nêu trên đã được Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh thu xếp phát hành.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.927.023.901	6.537.641.512
Trích từ lợi nhuận sau thuế	11.748.630.000	6.122.140.000
Sử dụng quỹ trong năm	(12.144.366.172)	(11.289.091.633)
Các nguồn tăng khác	69.027.902	556.334.022
Số cuối năm	1.600.315.631	1.927.023.901

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	877.477.131.598	3.330.256.829.636
Tăng vốn	300.000.000.000	(60.500.000)	-	-	-	299.939.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	387.272.801.213	387.272.801.213
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.322.140.000)	(5.322.140.000)
Thủ lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(896.000.000)	(896.000.000)
Khác	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số cuối năm	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.257.731.792.811	4.010.450.990.849
Năm nay						
Số đầu năm	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.257.731.792.811	4.010.450.990.849
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.264.844.900.711	1.264.844.900.711
Trích lập quỹ, khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(11.748.630.000)	(11.748.630.000)
Tiền thủ lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(935.600.000)	(935.600.000)
Cổ tức (*)	-	-	-	-	(236.241.246.000)	(236.241.246.000)
Số cuối năm	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	2.273.651.217.522	5.026.370.415.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 403/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Nhóm Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với mỗi cổ phiếu nhân 10% mệnh giá và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người lao động Công ty.

19.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty TNHH Năng lượng REE	1.231.954.780.000	52,15	1.191.954.780.000	50,45
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	721.830.490.000	30,55	721.830.490.000	30,55
Các cổ đông khác	233.297.240.000	9,88	233.297.240.000	9,88
	175.329.950.000	7,42	215.329.950.000	9,12
TỔNG CỘNG	2.362.412.460.000	100,00	2.362.412.460.000	100,00

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm Số lượng	Số đầu năm Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	236.241.246 236.241.246	236.241.246 236.241.246
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	236.241.246 236.241.246	236.241.246 236.241.246

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (vào ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.264.844.900.711	387.272.801.213
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(11.748.630.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.264.844.900.711	375.524.171.213
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	236.241.246	233.364.534
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	5.354	1.609
- Lãi suy giảm	5.354	1.609

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Số 403/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được điều chỉnh khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 do chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày kết thúc năm tài chính của báo cáo tài chính hợp nhất.

19.5 Cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	236.241.246.000	-
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2021: 1.000 VND/ cổ phiếu	236.241.246.000	-

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán điện cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	3.084.636.671.457	1.611.300.817.624
DOANH THU THUẦN	3.084.636.671.457	1.611.300.817.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.904.975.530	3.299.464.599
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	633.153.368	7.322.389.363
TỔNG CỘNG	6.538.128.898	10.621.853.962

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao	591.148.628.301	469.390.980.411
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	352.380.222.733	244.361.268.451
Chi phí nhân viên	71.491.593.539	50.249.529.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.612.486.864	6.189.956.679
Chi phí khác	39.626.395.136	26.203.609.086
TỔNG CỘNG	1.062.259.326.573	796.395.344.004

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	408.091.821.298	323.439.602.872
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.465.946.666	70.042.603
Khác	2.918.411.948	890.695.609
TỔNG CỘNG	432.476.179.912	324.400.341.084

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	42.712.985.394	26.624.659.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.852.459.752	2.990.967.900
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	922.472.349	8.185.771.917
Thuế, phí và lệ phí	862.268.540	403.702.950
Chi phí vật liệu quản lý	614.016.545	271.694.557
Chi phí khấu hao	589.129.186	495.599.017
Khác	23.724.495.161	6.385.477.408
TỔNG CỘNG	77.277.826.927	45.357.873.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao	591.737.757.487	469.800.025.913
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	352.380.222.733	244.361.268.451
Chi phí nhân viên	114.204.578.933	76.734.249.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.464.946.616	9.180.924.579
Chi phí nguyên vật liệu	11.722.138.741	14.413.018.072
Chi phí sửa chữa và bảo trì tài sản cố định	4.585.587.015	3.255.323.642
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	922.472.349	8.185.771.917
Chi phí khác	48.519.449.626	15.822.635.802
TỔNG CỘNG	1.139.537.153.500	841.753.217.678

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.433.773.463	91.484.459
Doanh thu từ thanh lý vật tư, thiết bị	3.412.366.363	-
Khác	21.407.100	91.484.459
Chi phí khác	142.761.264.026	4.827.048.801
Giảm tài sản xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 10)	99.473.267.506	-
Chi phí vụ kiện (*)	28.885.873.950	-
Điều chỉnh giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang do quyết toán các hạng mục dở dang	13.357.398.884	-
Phạt hành chính	439.358.117	3.501.336.866
Khác	605.365.569	1.325.711.935
LỖ KHÁC	(139.327.490.563)	(4.735.564.342)

(*) Trong năm 2022, Nhóm Công ty đã nhận được phán quyết cuối cùng đề ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam về việc giải quyết vụ kiện số VIAC-76/19HCM giữa Nhóm Công ty và Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR 18G ("THNT") (Thuyết minh số 29). Theo đó, Nhóm Công ty phải:

- Thanh toán cho THNT các chi phí pháp lý phát sinh mà THNT phải gánh chịu trong vụ kiện VIAC-76/19HCM là 933.112,18 USD (tương đương 22.404.023.442 VND);
- Hoàn trả THNT phí trọng tài và chi phí cho việc xét xử của vụ kiện VIAC-76/19HCM là 6.481.850.508 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng theo các quy định hiện hành.

Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2021: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	114.989.075.669	63.760.747.269

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.379.833.976.380	451.033.548.482
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	275.966.795.276	90.206.709.696
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	30.255.983.276	16.498.399.397
Lỗi tính thuế chuyển sang năm sau chưa ghi nhận thuế hoãn lại	2.476.048	31.679.930
Thuế TNDN được miễn	(177.569.495.025)	(42.871.336.547)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (*)	(13.527.076.963)	-
Khác	(139.606.943)	(104.705.207)
Chi phí thuế TNDN	114.989.075.669	63.760.747.269

(*) Theo hướng dẫn của nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do chính phủ ban hành, Nhóm Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 13.527.076.963 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
			VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	518.657.708	518.657.708	-	-
Khác	622.979.302	622.979.302	-	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.141.637.010	1.141.637.010	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			-	-

26.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

			VND	
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
			Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Chi phí lãi vay chưa được trừ chuyển sang năm sau tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
2021	2026	67.635.384.814	(67.635.384.814)	-
TỔNG CỘNG		67.635.384.814	(67.635.384.814)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan bao gồm các công ty con, các công ty trong cùng tập đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh ("Tập đoàn") và các bên liên quan khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Võ Thành Trung
Ông Nguyễn Văn Thanh

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tổng Giám Đốc -

Ông Lê Tuấn Hải
Ông Nguyễn Quang Quyền
Ông Nguyễn Thanh Hải

Thành viên Hội đồng quản trị ("TVHĐQT")
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên độc lập thuộc
Hội đồng quản trị

Ông Trương Minh Tuấn
Ông Quách Vĩnh Bình
Ông Trần Văn Hoàng
Ông Hoàng Anh Tuấn
Ông Dương Tấn Tường
Bà Phan Thị Thanh Thúy
Ông Trần Công Đàm
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng
Giám đốc Chi nhánh
Công ty mẹ cao nhất
Công ty mẹ
Cổ đông lớn

Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng
Tín Hiệu Xanh
Công ty TNHH Bất động sản REE
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật
Cơ Điện Lạnh R.E.E
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình
Công ty TNHH Nước sạch REE
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An

Công ty trong cùng tập đoàn
với cổ đông lớn
Công ty con
Đồng sở hữu
Công ty con của cổ đông lớn
Công ty con của cổ đông lớn

Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty có cùng TVHĐQT
Công ty có cùng TVHĐQT
Công ty có cùng TVHĐQT
Công ty có cùng TVHĐQT
Công ty có cùng TVHĐQT
Công ty có cùng TVHĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	3.084.636.671.457	1.611.300.817.624
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Chia cổ tức	119.195.478.000	-
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	72.183.049.000	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Lãi vay và lãi trái phiếu	36.323.394.518	64.258.597.628
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn	Lãi trái phiếu	15.051.975.341	19.296.703.200
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của công ty mẹ	Lãi vay	-	879.726.027

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	795.297.246.806	482.861.910.294
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Vay	-	33.000.000.000
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Trái phiếu	153.000.000.000	460.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn	Trái phiếu	66.000.000.000	192.000.000.000
			219.000.000.000	652.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

			VND
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc		4.346.681.409	3.700.110.000
Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	1.195.341.409	1.045.440.000
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	1.105.860.000	1.053.200.000
Ông Dương Tấn Tường	Thành viên	794.050.000	756.240.000
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	794.050.000	409.630.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	152.460.000	145.200.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	152.460.000	145.200.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	152.460.000	145.200.000
Thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc		3.313.030.731	935.197.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát		1.037.988.000	866.184.000
Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng BKS	794.052.000	633.864.000
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên	121.968.000	116.160.000
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên	121.968.000	116.160.000
TỔNG CỘNG		8.697.700.140	5.501.491.000

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong năm của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC VỤ KIẾN TỤNG

Vụ kiện tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC"), số 76/19 HCM

Vào ngày 11 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện lại Tổng Công ty Công trình Hydrochina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt Số 18 Trung Quốc ("Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G") do đơn phương chấm dứt hợp đồng tại VIAC.

Vào ngày 5 tháng 7 năm 2019, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G đã đưa ra phản tố và yêu cầu Công ty bồi thường chi phí vụ kiện với tổng số tiền 1 triệu USD ("Phản tố 1").

Vào ngày 15 tháng 11 năm 2019, Công ty đã gửi thông báo rút đơn kiện.

Vào ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G gửi Yêu cầu phản tố sửa đổi bổ sung ("Phản tố 2").

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2020, Hội đồng Trọng tài ("HĐTT") ra phán quyết về thẩm quyền như sau:

- Phản tố 1 đề ngày 5 tháng 7 năm 2019 thuộc thẩm quyền của HĐTT; và
- Phản tố 2 đề ngày 28 tháng 11 năm 2019 không thuộc thẩm quyền của HĐTT.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty đã gửi Đơn khiếu nại lên Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Hà Nội về việc HĐTT quyết định họ có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện đã được Công ty rút lại và yêu cầu Tòa án bác bỏ thẩm quyền của HĐTT.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2020, HĐTT ban hành Lệnh thủ tục số 1 và vào ngày 14 tháng 4 năm 2020, Công ty đã gửi phản đối Lệnh thủ tục số 1 này.

Vào ngày 3 tháng 6 năm 2020, Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR18G gửi Bản tự bảo vệ và yêu cầu phản tố bổ sung.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, TAND Hà Nội ban hành Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN, công nhận Hội đồng Trọng tài 76/19 HCM có quyền tiếp tục vụ kiện.

Vào ngày 7 tháng 9 năm 2020, Công ty đã tiếp tục gửi Đơn khiếu nại lên TAND Thành phố Hà Nội về việc HĐTT quyết định họ có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện đã được Công ty rút lại.

Vào ngày 22 tháng 10 năm 2020, Công ty đã gửi đến TAND Thành phố Hà Nội và Viện kiểm sát Nhân dân ("VKSND") Thành phố Hà Nội văn bản đề nghị TAND Thành phố Hà Nội giải thích Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2020, TAND Hà Nội có văn bản giải thích Quyết định 08/2020/QĐ-GQKN.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2020, Công ty đã gửi đến HĐTT văn bản không công nhận quyền tài phán của HĐTT.

Vào ngày 7 tháng 1 năm 2021, HĐTT quyết định phiên điều trần được tái dự kiến sẽ diễn ra từ ngày 23 tháng 8 năm 2021 đến ngày 27 tháng 8 năm 2021.

Vào ngày 2 tháng 8 năm 2021, HĐTT gửi thông báo phiên điều trần sẽ được tổ chức từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 đến ngày 19 tháng 8 năm 2022.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, VSH nhận được phán quyết cuối cùng đề ngày 14 tháng 9 năm 2022 của VIAC giải quyết vụ kiện số VIAC 76/19HCM. Theo phán quyết này, VSH phải:

- (i) Thanh toán cho THNT các chi phí pháp lý phát sinh mà THNT phải gánh chịu trong vụ kiện VIAC-76/19HCM là 933.112,18 USD (tương đương 22.404.023.442 VND); và
- (ii) Hoàn trả THNT phí trọng tài và chi phí cho việc xét xử của vụ kiện VIAC-76/19HCM là 6.481.850.508 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC VỤ KIẾN TỤNG (tiếp theo)

Vụ kiện tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC"), số 76/19 HCM (tiếp theo)

Ngày 6 tháng 10 năm 2022, VSH đã thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình với tổ hợp nhà thầu theo nội dung phán quyết ngày 14 tháng 9 năm 2022. Ngày 7 tháng 10 năm 2022, đại diện của Tổ hợp nhà thầu xác nhận đã nhận đủ số tiền mà VSH phải thanh toán cho Tổ hợp nhà thầu theo phán quyết ngày 14 tháng 9 năm 2022.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, vụ kiện 76/19HCM đã kết thúc. VSH đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình với Tổ hợp nhà thầu theo đúng phán quyết ngày 14 tháng 9 năm 2022.

Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Tỉnh Bình Định

Vào ngày 25 tháng 8 năm 2020, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện Viện thiết kế Hydrochina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt Số 18 Trung Quốc ("tổ hợp nhà thầu") phải thanh toán cho Công ty với số tiền là 2.320.959.156.044 VNĐ tại TAND Tỉnh Bình Định.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2020, vụ kiện đã được TAND Tỉnh Bình Định thụ lý.

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2020, Tòa Bình Định gửi thông báo nộp lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp. VSH đã nộp.

Vào ngày 18 tháng 3 năm 2021, Công ty gửi đến TAND Tỉnh Bình Định bản ý kiến bác bỏ Văn bản ý kiến đề ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng điều hành Kon Tum và văn bản ý kiến đề ngày 18 tháng 1 năm 2021 của đại diện Tổ hợp nhà thầu.

Vào ngày 6 tháng 8 năm 2021, gửi Tòa án Bản ý kiến bác bỏ dự định đình chỉ vụ kiện của tòa.

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2022, tòa án có Giấy triệu tập số 3631/GTT để triệu tập Công ty đến Tòa làm việc về vụ kiện. Công ty đã liên hệ và làm việc với Tòa Bình Định về sự việc này.

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2022, nộp văn bản rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình trong vụ kiện 04-2020/TLST-KDTM tại tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quyết định số 07/2022/QĐST-KDTM về việc đình chỉ giải quyết vụ kiện số 04/2020/TLST-KDTM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vụ kiện giữa VSH và Tổ hợp nhà thầu tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã kết thúc. VSH không phát sinh trách nhiệm, nghĩa vụ gì với tổ hợp nhà thầu trong vụ kiện này.

Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Hà Nội

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến TAND Thành phố Hà Nội để yêu cầu TAND buộc Tổng Công ty Bảo hiểm PVI phải thanh toán cho Công ty với số tiền là 43.150.320.450 VNĐ.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2021, vụ kiện đã được TAND Thành phố Hà Nội thụ lý.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện chưa được đưa ra xét xử.

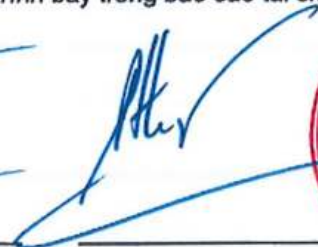
Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tổn thất từ các vụ kiện này là thấp và theo đó Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Lê Thị Hải Yến
Người lập


Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2023